

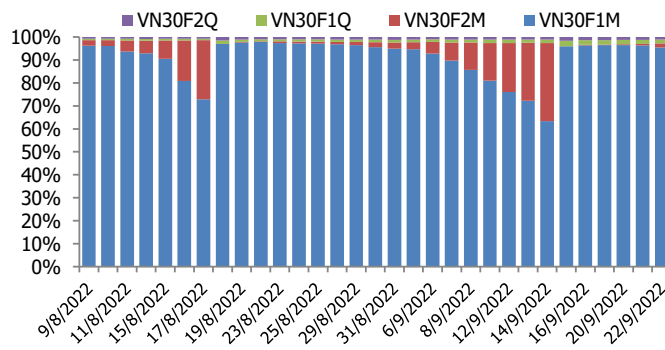
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2210 | 20/10/2022 | 28 | 1225.00 | 50,566 |
| VN30F2211 | 17/11/2022 | 56 | 1219.40 | 938 |
| VN30F2212 | 15/12/2022 | 84 | 1220.00 | 875 |
| VN30F2303 | 16/3/2023 | 175 | 1217.80 | 612 |

TỶ TRỌNG VỊ THẾ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Phiên giao dịch 22/09 diễn ra với những nhịp rung lắc mạnh. Sau nhịp giảm mạnh trong phiên sáng, lực cầu bắt đáy gia tăng giúp các HĐTL đồng loạt quay đầu tăng điểm. Đóng cửa, cả 4 HĐTL dao động từ +1,9 đến +5,4 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 0,74 điểm. Basis của các hợp đồng tăng nhẹ so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2210 tăng lên -3,94 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2211 cũng tăng lên -9,54 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm so với phiên liền trước, đạt 267.282 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 10 với 119 hợp đồng lũy kế mua ròng khoảng 10.214 hợp đồng.
- Thị trường cơ sở giảm điểm ngay từ đầu phiên giao dịch ngày 22/9 trước áp lực bán mạnh ở nhiều nhóm ngành cổ phiếu. Tâm lý nhà đầu tư tỏ ra bi quan trước các thông tin trong cuộc họp của Fed cùng với đó là phản ứng tiêu cực của thị trường chứng khoán Mỹ. Tuy nhiên, thị trường có nhịp phục hồi mạnh trong phiên chiều nhờ lực đỡ ở nhóm cổ phiếu VN30. Tổng thể 3 sàn, có gần 55% số cổ phiếu tăng giá vào lúc đóng cửa, so với gần 30% giảm giá. Trên cả 10 nhóm ngành lớn nhất 3 sàn, số cổ phiếu tăng giá đều chiếm đa số, trong đó nhóm logistics có mức tăng bình quân trên 1 mã cổ phiếu là tốt nhất, hơn 4%. Về kỹ thuật, các chỉ số vẫn đang giữ vững vùng đáy kỹ thuật với VN-Index ở ngưỡng 1200-1210 điểm và VN30-Index ở ngưỡng 1210-1220 điểm.
- Kịch bản biến động nhanh với biên giá rộng ghi nhận trong hầu hết các phiên giao dịch của chỉ số VN30F1M trong những phiên gần đây. Trong khi xu hướng ngắn hạn chưa thể xác định, thì tỷ lệ rủi ro giao dịch lên mức rất cao với việc nhà đầu tư dù ở vị thế Long hay Short cũng đều không có được thành quả đáng kể. Theo đó, nên ưu tiên quan sát và chỉ nên hành động khi chạm ngưỡng kháng cự và hỗ trợ quan trọng. Cụ thể, vùng hỗ trợ được xác nhận tại 1200-1210 điểm, trong khi kháng cự là nền giá cao nhất hợp đồng đạt được trong ngắn hạn là ngưỡng 1240 điểm. Vùng giá mở lệnh Mua cần nhắc là 1218-1222 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1212 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1236-1240 điểm. Đối với vị thế trung hạn, quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

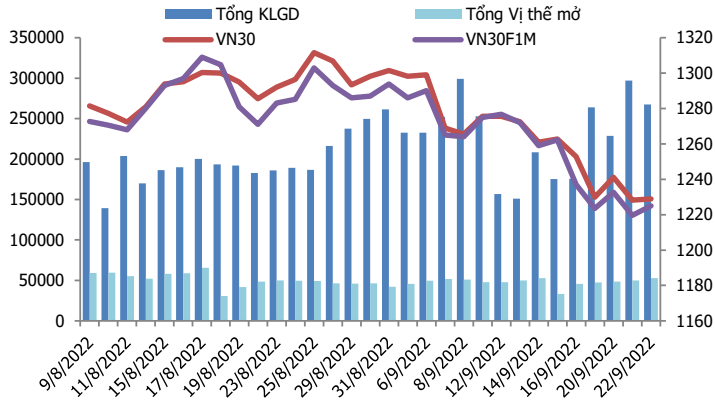
Với bối cảnh hiện tại, chiến lược trading trong biên độ sẽ là chiến lược hợp lý hơn. Vùng kháng cự quan trọng cho các nhịp hồi nếu xảy ra trên chỉ số phái sinh là 1236-1240 điểm. Chiến lược Long được xem xét mở ra trong các nhịp rung lắc, đặc biệt quan sát những sự tích lũy quanh các vùng 1218-1222 điểm hoặc thấp hơn ở vùng 1205-1208 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

Chiến lược giao dịch spread

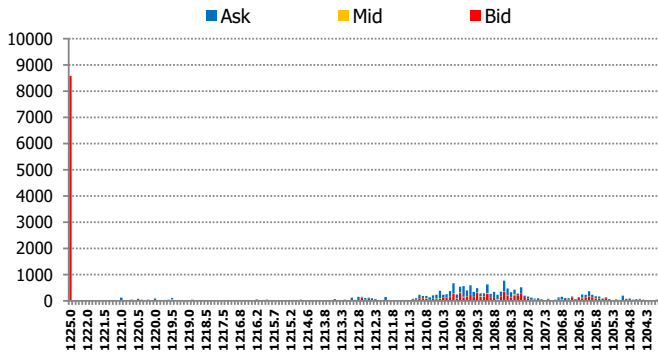
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2210 | 1225.0 | 0.44 | 265,857 | -10.3 | 50,566 | 5.1 |
| VN30F2211 | 1219.4 | 0.16 | 1,262 | 130.3 | 938 | 244.9 |
| VN30F2212 | 1220.0 | 0.29 | 94 | 95.8 | 875 | -2.2 |
| VN30F2303 | 1217.8 | 0.19 | 69 | -17.9 | 612 | -4.5 |
| Tổng | | | 267,282 | -10.0 | 52,991 | 6.2 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Phiên giao dịch 22/09 diễn ra với những nhịp rung lắc mạnh. Sau nhịp giảm mạnh trong phiên sáng, lực cầu bắt đáy gia tăng giúp các HĐTL đồng loạt quay đầu tăng điểm. Đóng cửa, cả 4 HĐTL dao động từ +1,9 đến +5,4 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 0,74 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 10,03% so với phiên liền trước, đạt 267.282 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 10 với 265.857 hợp đồng. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 10 với 219 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 10.114 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2210 là 1.230,16 điểm (cao hơn 5,16 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2211 là 1.231,38 điểm (+11,98 điểm), VN30F2212 là 1.232,6 điểm (+12,6 điểm) và VN30F2303 là 1.236,57 điểm (+18,77 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

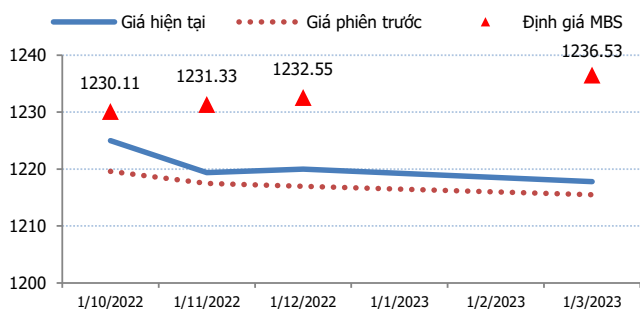
| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| Tổng kết | BUY | SELL | SELL |
| Hỗ trợ | 1218-1222 | 1205-1208 | 1182-1188 |
| Kháng cự | 1229-1233 | 1243-1246 | 1270-1286 |

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M

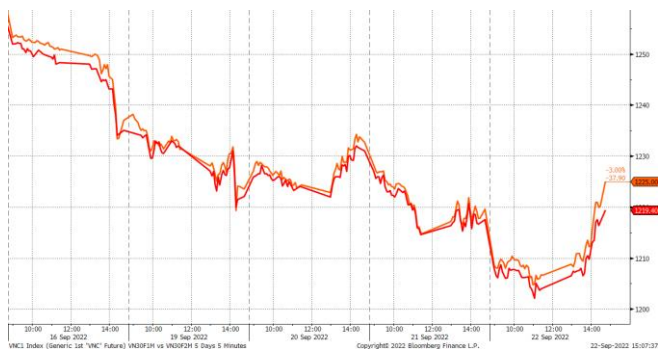


| Spread HĐTL | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|-------------------|----------|-------------|------|-------|
| VN30F2M - VN30F1M | -5.6 | -2.10 | -3.5 | -2.56 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -5 | -2.60 | -2.4 | -1.94 |
| VN30F1Q - VN30F2M | 0.6 | -0.50 | 1.1 | 0.62 |
| VN30F2Q - VN30F1M | -7.2 | -4.10 | -3.1 | -4.88 |
| VN30F2Q - VN30F2M | -1.6 | -2.00 | 0.4 | -2.32 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -2.2 | -1.50 | -0.7 | -2.94 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M

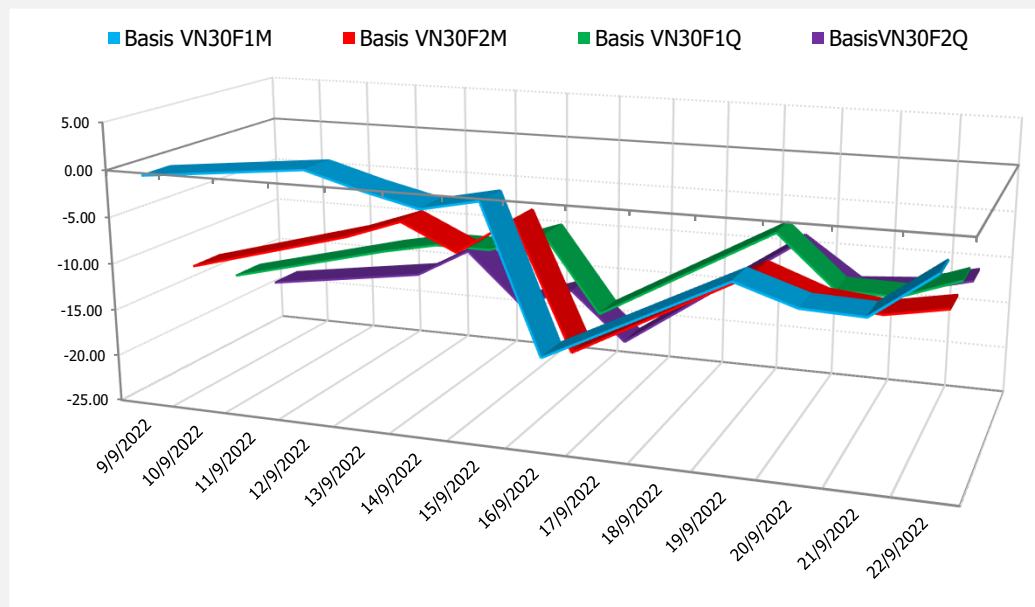


NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

- Basis của các hợp đồng tăng nhẹ so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2210 tăng lên -3,94 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2211 cũng tăng lên -9,54 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.

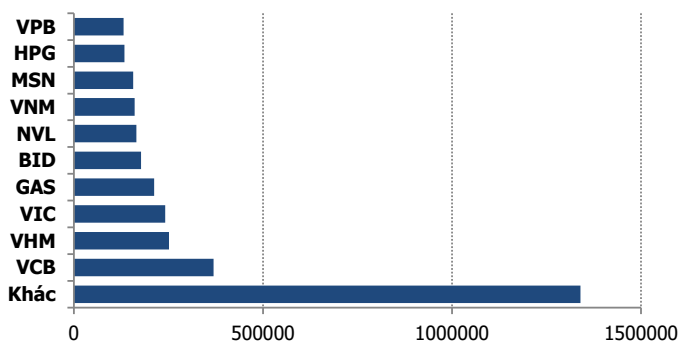
Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -7,2 điểm đến +0,6 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2208- VN30F2207) giảm đi 3,5 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

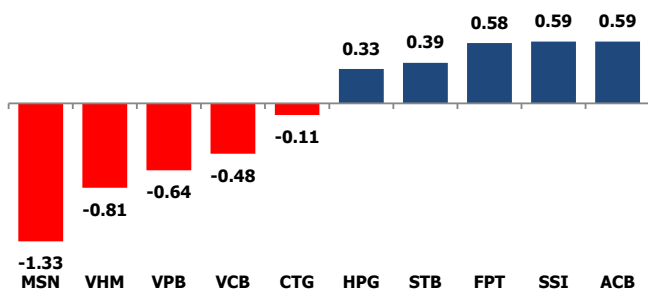


| | VNIndex | VN30 |
|-----------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 1214.7 | 1228.94 |
| Thay đổi | 4.15 | 0.74 |
| %Chg | 0.34 | 0.06 |
| YTD | -18.93 | -19.98 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 4,829.56 | 3,339.29 |
| P/E | 13.05 | 10.63 |
| P/B | 2.01 | 2.01 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố giúp các chỉ số chính hồi phục nhẹ. Số mã tăng điểm (17) áp đảo hoàn toàn so với số mã giảm điểm (7) và 6 mã đứng tham chiếu. ACB và SSI trở thành hai trụ đỡ góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp đều là +0,59 điểm; ngoài ra FPT, STB hay HPG cũng là những bluechips tăng điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa trên mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 0,74 điểm (+0,06%) lên 1.228,94 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 119,07 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 4.158 tỷ đồng.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng với 538,78 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực bán tập trung ở các mã như NLG (-108 tỷ đồng), BCM (-89 tỷ đồng), KDH (-79 tỷ đồng), VHM (-36 tỷ đồng), VCB (-33 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|-------------------|-----------|--------|-------|---------|
| VNIndex | 1,214.70 | 0.34 | 13.05 | (18.93) |
| Dow Jones | 30,076.68 | (0.35) | 16.57 | (17.23) |
| S&P500 | 3,757.99 | (0.84) | 18.44 | (21.15) |
| Nikkei 225 | 27,153.83 | (0.58) | 27.38 | (5.69) |
| Shanghai | 3,108.91 | (0.27) | 13.63 | (14.59) |
| DAX | 12,531.63 | (1.84) | 12.22 | (21.11) |
| Vàng | 1,672.79 | 0.09 | | (8.55) |
| Dầu WTI | 83.75 | 0.31 | | 11.35 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|--|----------|--------|---------|
| Thứ Hai - 19/09/2022 | | | |
| Thứ Ba - 20/09/2022 | | | |
| Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản của PBoC | 3.65% | 3.65% | 3.65% |
| Mỹ - Giấy phép xây dựng (Tháng 8) | 1.685M | 1.610M | 1.517M |
| Canada - CPI lõi (tháng/tháng) (Tháng 8) | 0.5% | | 0.0% |
| Thứ Tư - 21/09/2022 | | | |
| Mỹ - Doanh số bán nhà hiện tại (Tháng 8) | 4.82M | 4.70M | 4.80M |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô | 2.442M | 2.161M | 1.142M |
| Mỹ - Quyết định lãi suất | 2.50% | 3.25% | 3.25% |
| Thứ Năm - 22/09/2022 | | | |
| Thụy Sĩ - Quyết định lãi suất (Quý 3) | -0.25% | 0.50% | 0.50% |
| Anh - Quyết định lãi suất (Tháng 9) | 1.75% | 2.25% | 2.25% |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu | 208K | 218K | 213K |
| Thứ Sáu - 23/09/2022 | | | |
| Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 9) | 49.1 | 48.3 | |
| Anh - Chỉ số quản lý sức mua hỗn hợp | 49.6 | | |
| Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất | 47.3 | | |
| Anh - Chỉ số PMI dịch vụ | 50.9 | | |
| Canada - Doanh số bán lẻ lõi (tháng/tháng) (Tháng 7) | 0.8% | -1.2% | |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ giảm phiên thứ 3 liên tiếp vì lo ngại ngày càng tăng rằng việc Fed nâng lãi suất mạnh tay sẽ khiến nền kinh tế rơi vào suy thoái, qua đó làm giảm khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư. Đóng cửa, chỉ số S&P 500 lùi 0,8% xuống 3.757,99 điểm, chỉ số Nasdaq Composite mất 1,4% còn 11.066,81 điểm, chỉ số Dow Jones hạ 107,10 điểm (-0,3%) xuống 30.076,68 điểm. Chứng khoán Mỹ giảm điểm sau khi Fed vào ngày thứ Tư đã duy trì lập trường quyết liệt, đưa ra một đợt nâng lãi suất thêm 75 điểm cơ bản khác và dự báo đưa lãi suất ngắn hạn lên mức cao 4,4% vào cuối năm 2022.
- Giá dầu khởi sắc, tập trung vào những lo ngại về nguồn cung dầu của Nga, và khi Ngân hàng Trung ương Anh quốc (BoE) nâng lãi suất thấp hơn so với một số dự báo. Kết phiên, hợp đồng dầu Brent tiến 75 xu (+0,8%) lên 90,58 USD/thùng, sau khi tăng hơn 2 USD vào đầu phiên. Hợp đồng dầu WTI cộng 75 xu (+0,8%) lên 83,69 USD/thùng, sau khi tăng hơn 3 USD vào đầu phiên.
- Giá vàng giảm nhẹ, chịu áp lực bởi đồng USD mạnh hơn và lợi suất trái phiếu cao hơn, trong khi lập trường chính sách điều hòa của Fed đã làm lu mờ triển vọng đối với kim loại không đem lại lợi suất. Chốt phiên, hợp đồng vàng giao ngay lùi 0,2% xuống 1.671,10 USD/oz, sau khi giảm hơn 1% vào đầu phiên, trong khi hợp đồng vàng tương lai cộng 0,3% lên 1.680,60 USD/oz.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 ACB, SSI và FPT là những nhân tố chính đưa chỉ số VN30 quay lại đà tăng điểm. Trong đó, ACB đóng góp +0,59 điểm cho chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|--|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|----------|------|
| VPB | Banks | 7.67 | 29,300 | -0.68 | 2.60% | 249.237 | -0.64 | 7.80 | 1.44 |
| TCB | Banks | 6.64 | 34,550 | 0.14 | 1.61% | 100.285 | 0.12 | 5.99 | 1.17 |
| FPT | Electronic Equipment, Instruments & Components | 6.51 | 82,900 | 0.73 | 1.34% | 96.432 | 0.58 | 18.37 | 4.65 |
| VHM | Real Estate Management & Development | 6.34 | 57,700 | -1.03 | 2.47% | 135.545 | -0.81 | 8.91 | 2.07 |
| HPG | Metals & Mining | 6.19 | 23,000 | 0.44 | 1.99% | 265.041 | 0.33 | 4.84 | 1.34 |
| MWG | Specialty Retail | 6.05 | 70,100 | 0.14 | 3.66% | 294.426 | 0.11 | 20.40 | 4.58 |
| MSN | Food Products | 5.93 | 110,000 | -1.79 | 3.15% | 47.846 | -1.33 | 15.34 | 5.36 |
| NVL | Real Estate Management & Development | 5.55 | 84,600 | 0.00 | 1.68% | 319.343 | 0.00 | 51.23 | 4.45 |
| ACB | Banks | 5.51 | 22,800 | 0.88 | 1.33% | 41.339 | 0.59 | 6.55 | 1.48 |
| VNM | Food Products | 5.41 | 76,900 | 0.00 | 1.45% | 79.134 | 0.00 | 18.96 | 4.71 |
| VIC | Real Estate Management & Development | 5.08 | 63,300 | 0.32 | 7.84% | 76.489 | 0.20 | #N/A N/A | 2.23 |
| MBB | Banks | 4.46 | 21,250 | 0.24 | 1.92% | 112.113 | 0.13 | 6.13 | 1.42 |
| STB | Banks | 3.48 | 21,950 | 0.92 | 2.33% | 113.242 | 0.39 | 11.54 | 1.16 |
| VCB | Banks | 3.42 | 78,000 | -1.14 | 1.42% | 92.057 | -0.48 | 14.79 | 3.00 |
| HDB | Banks | 2.93 | 24,700 | 0.00 | 1.65% | 16.291 | 0.00 | 7.11 | 1.50 |
| VJC | Airlines | 2.62 | 115,000 | 0.00 | 2.04% | 62.133 | 0.00 | 652.77 | 3.63 |
| VIB | #N/A | 2.20 | 22,500 | 2.27 | 4.41% | 31.102 | #N/A | 6.59 | 1.68 |
| VRE | Real Estate Management & Development | 2.19 | 28,650 | 0.17 | 3.24% | 21.943 | 0.05 | 50.21 | 2.05 |
| SSI | Capital Markets | 1.85 | 21,100 | 2.68 | 4.95% | 357.105 | 0.59 | 7.89 | 1.57 |
| TPB | Banks | 1.69 | 25,350 | 0.40 | 2.22% | 15.146 | 0.08 | 7.23 | 1.38 |
| CTG | Banks | 1.54 | 25,400 | -0.59 | 2.40% | 80.932 | -0.11 | 8.31 | 1.20 |
| KDH | Real Estate Management & Development | 1.23 | 31,450 | 0.00 | 5.46% | 125.544 | 0.00 | 17.92 | 2.07 |
| PDR | Capital Markets | 1.17 | 51,600 | 0.00 | 1.77% | 74.678 | 0.00 | 16.54 | 4.49 |
| SAB | Food Products | 1.11 | 187,000 | -0.53 | 1.94% | 19.241 | -0.07 | 26.65 | 5.21 |
| GAS | Gas Utilities | 0.89 | 111,000 | 1.83 | 2.39% | 25.672 | 0.20 | 16.64 | 3.58 |
| POW | Independent Power and Renewable Electricity Producer | 0.67 | 13,650 | 1.49 | 3.41% | 174.017 | 0.12 | 20.20 | 1.08 |
| BID | Banks | 0.60 | 35,150 | 1.15 | 2.47% | 33.953 | 0.08 | 13.72 | 1.96 |
| PLX | Oil, Gas & Consumable Fuels | 0.40 | 37,550 | -0.92 | 2.57% | 54.548 | -0.05 | 51.97 | 2.06 |
| BVH | Beverages | 0.34 | 55,200 | 0.18 | 2.21% | 34.614 | 0.01 | 22.89 | 1.87 |
| GVR | Real Estate Management & Development | 0.32 | 23,600 | 1.51 | 2.60% | 33.009 | 0.06 | 20.29 | 1.91 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | -Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45 |
| | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

| | | |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Đình Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu | long.dinhviet@mbs.com.vn |